

Bản án số: 06/2018/HS-PT

Ngày: 24/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 124/2017/HSPT ngày 01 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2017/HS-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị L, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1965; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 5, thị trấn V, huyện Q, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; con ông: Lê Xuân T (Đã chết), con bà Trần Thị L (Đã chết); chồng: Trần Xuân D, sinh năm 1963; con: Có 03 đứa, đứa lớn sinh năm 1988, đứa nhỏ sinh năm 1993; anh chị em ruột có 6 người bị cáo là con thứ sáu; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa).*

Vụ án có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Ông Trần Xuân D nhưng không có kháng cáo, án không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013 Lê Thị L xây dựng 06 phòng trọ trong khuôn viên nhà mình để cho các cô gái bán dâm đến ở. Đến cuối tháng 12/2016 thì có Lữ Thị M, Lữ Thị V, Lữ Thị L và Mong Thị M là những cô gái bán dâm đến xin ở. Các cô gái bán dâm thỏa thuận với Lê Thị L là việc ăn, ở do L lo, còn tiền thu được do bán dâm thì chia đôi, người bán dâm một nửa và Lê Thị L hưởng một nửa. Khoảng 21h00' ngày 06/01/2017, Lê Xuân H đến gặp L hỏi mua dâm thì L chỉ cho H vào phòng số 1 mua bán dâm với Lữ Thị L. Khoảng 5 phút sau thì Trần Văn M và Trần Văn C cùng đến mua dâm với gái bán dâm Lữ Thị M và Lữ Thị V. Giữa Lê Xuân H với Trần Văn C, Trần Văn M không có quen biết nhau, không có trao đổi gì với nhau về việc mua dâm. Hành vi mua bán dâm giữa Lê Xuân H với Lữ Thị L hoàn toàn độc lập với hành vi mua bán dâm của Trần Văn M, Trần Văn C với Lữ Thị M và Lữ Thị V. Như vậy theo quy định tại mục 4, Nghị Quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thì hành vi chứa mại dâm của Lê Thị L đã phạm vào điểm c khoản 2 điều 254 Bộ luật Hình sự 1999, tương ứng với tội chứa mại dâm theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 327 Bộ Luật Hình sự năm 2015.

Với hành vi phạm tội trên, tại bản án số: 11/2017/HS-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Tĩnh đã Quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội "*Chứa mại dâm*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 254; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 47; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Lê Thị L **36 (Ba sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam thi hành án.

Án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng vụ án; tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự; tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 16/10/2017, bị cáo Lê Thị L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do: Bản thân có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện điều tra tội phạm, thu lợi bất chính không lớn, trình độ văn hóa thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có một người con chưa trưởng thành, tuổi cao, sức khỏe yếu, hiện đang bị bệnh tật, chồng, bố mẹ chồng và bố mẹ bị cáo đều có công với cách mạng, bị cáo là trụ cột chính trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thị L khai và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung của bản án sơ thẩm. Bị cáo trình bày ý kiến và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Theo lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị L tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành của tội “Chứa mại dâm” được quy định tại điểm c khoản 2 điều 254 Bộ luật Hình sự 1999, tương ứng với tội chứa mại dâm theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 327 Bộ Luật Hình sự năm 2015 theo đó bản án hình sự sơ thẩm số 11/2017/HS-ST ngày 10/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Tĩnh quyết định tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội “Chứa mại dâm” là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm xói mòn đạo đức xã hội, xâm phạm đến phẩm giá, chà đạp lên nhân cách của người phụ nữ, xem người phụ nữ như một món hàng để mua đi, bán lại, làm mất trật tự trị an xã hội, gây ảnh hưởng tâm lý lệch lạc đến thanh thiếu niên, người lớn trong xã hội, vợ chồng không chung thủy, tác động xấu đến môi trường xã hội xung quanh nên cần phải xử lý nghiêm theo luật định.

Cấp sơ thẩm đã cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, q khoản 1 Điều 46, áp dụng thêm điều 47 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có cơ sở, là đã xem xét, chiếu cố đối với bị cáo. Đơn kháng cáo và các chứng cứ kèm theo bị cáo xuất trình cho tòa án cấp phúc thẩm là những căn cứ để bị cáo được hưởng thêm khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xử phạt mức án 36 tháng tù về tội “Chứa mại dâm” đối với bị cáo Lê Thị L là hoàn toàn phù hợp. Theo đó, lý do trình bày xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị L không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận mà cần bác nội dung đơn kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm như đề nghị của Viên kiểm sát là phù hợp và có căn cứ.

[3] Bị cáo Lê Thị L kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị L giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 254, điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số

41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Lê Thị L **36(Ba sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào Trại giam thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, CA, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo; Bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đình Thông